
CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH TỪ 01/01/2011 ĐẾN 31/12/2011



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

TRANG

1. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC	1- 4
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN	5- 6
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7- 10
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	11
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	12
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13- 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Ban giám đốc Công ty trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Tổ chức, ngành nghề đăng ký kinh doanh, vốn:

Công ty Cổ Phần Traenco có quá trình hình thành và phát triển như sau:

- Công ty Cổ Phần Traenco (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước; Công ty Cổ Phần Traenco được Cổ phần hóa theo Quyết định số 2670/QĐ-BGTVT ngày 05/08/2005 của Bộ Giao thông vận tải;
- Công ty Cổ Phần Traenco được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010774 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 01 năm 2006. Từ khi thành lập đến nay, Công ty Cổ Phần Traenco đã thay đổi đăng ký kinh doanh năm lần.
- Tại thời điểm kiểm toán, Công ty Cổ Phần Traenco hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần 5 số 0100108617 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 06 năm 2010.

Một số thông tin tổng hợp theo đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ Phần Traenco như sau:

Tên doanh nghiệp:	CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO
Tên quốc tế:	TRAENCO JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	TRAENCO., JSC
Trụ sở chính:	Số 46, phố Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
Vốn kinh doanh:	16.603.400.000 VNĐ (Mười sáu tỷ sáu trăm linh ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông đúc sẵn;
- Tư vấn đầu tư xây dựng (Không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Thiết kế các công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Tư vấn thí nghiệm vật liệu và chất lượng công trình;
- Xuất khẩu lao động, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp xuất khẩu lao động;
- Đào tạo ngoại ngữ, đào tạo các loại nghề (không bao gồm những ngành nghề có điều kiện), bồi túc nâng cao trình độ kỹ năng nghề, bồi dưỡng nghiệp vụ, giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài; Đào tạo trình độ cao đẳng, đại học (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Tư vấn du học;

- Sản xuất, lắp ráp và đóng mới xe ô tô các loại, xe gắn máy hai bánh (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
- Đào tạo lái xe (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Sửa chữa, tân trang máy móc thiết bị, phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa - hành khách;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng ô tô, xe máy;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Cho thuê máy móc thiết bị;
- Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, gốm, sứ, nông lâm thủy sản (Trừ loại lâm sản nhà nước cấm);
- Kinh doanh than;
- Sản xuất và kinh doanh thuốc diệt các loại côn trùng (Không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật);
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị phương tiện vận tải, thiết bị trang trí nội thất, hàng tiêu dùng (Không bao gồm kinh doanh dược phẩm);
- Bóc đất đá san lấp mặt bằng;
- Khai thác chế biến khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Hoạt động dịch vụ hàng hải gồm: đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, vệ sinh tàu biển;
- Tổ chức biểu diễn văn hóa nghệ thuật (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Khảo sát địa chất các công trình;
- Khảo sát trắc địa các công trình;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông (Kể cả các công trình điện như đường dây, trạm, thủy điện); quan trắc biến dạng công trình xây dựng, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông;
- Tổ chức biểu diễn văn hóa nghệ thuật (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Khảo sát địa chất các công trình;
- Khảo sát trắc địa các công trình;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông (kể cả các công trình điện như đường dây, trạm, thủy điện); quan trắc biến dạng công trình xây dựng, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông;
- Xây dựng các công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, bưu chính viễn thông;
- Xây dựng các công trình hạ tầng;
- Lắp đặt tủ, bảng điện, trạm hợp bộ điện đến 35KV;
- Tư vấn, môi giới, đàm phán ký kết các hợp đồng kinh tế với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để quảng cáo trên sóng truyền hình toàn quốc (Không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Mua, bán và sản xuất hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Xuất khẩu than;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Tổ chức các dịch vụ hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm (theo quy định hiện hành của Nhà nước);
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;

- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Khảo sát địa chất thủy văn;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ bao gồm: hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy./.

2. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2011 gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Hữu Điềm	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Ngô Văn Long	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Tuyết Nga	Thành viên HĐQT
Bà Phạm Thị Kim Dung	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Tử Hoàng	Thành viên HĐQT bầu bổ sung tháng 5/2011

Ban giám đốc:

Ông Nguyễn Hữu Điềm	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Đức	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Tuyết Nga	Phó Tổng giám đốc
Ông Ngô Văn Long	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Phan	Phó Tổng giám đốc
Bà Phạm Thị Kim Dung	Kế toán trưởng

Ban kiểm soát:

Ông Vũ Văn Tiên	Trưởng Ban Kiểm soát bầu bổ sung tháng 05/2011 Thay ông Đặng Tử Hoàng
Bà Ngô Thị Quyên	Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Xuân Hương	Thành viên BKS bầu bổ sung từ tháng 5/2011

3. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được đính kèm báo cáo này.

4. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Thủ Đô - CACC.

Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Thủ Đô- CACC là Công ty kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán năm 2010, 2011 i theo Quyết định số 18008 /QĐ-VACPA ngày 30/12/2011 của Hội Kiểm toán hành nghề Việt Nam.

Trụ sở: Lô 16 D6 khu Quận uỷ Thanh Xuân, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84) 04 62 852 318. Fax: (84) 04 62 852 317

5. Kết quả Hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế là lỗ : 536.343.291VND cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo đánh giá của Ban Giám đốc, ngoài các sự kiện nêu trên, tính đến thời điểm lập Báo cáo này, không có bất kỳ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày khoá sổ nào xảy ra, có khả năng ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm 2011.

7. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Traenco chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Các Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO



Nguyễn Hữu Điểm
Tổng Giám đốc

Hà nội, ngày 29 tháng 04 năm 2012

Phạm Thị Kim Dung
Kế toán trưởng

10/05/2012



BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Thủ Đò (CACC) đã hoàn thành cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Traenco (gọi tắt: Công ty) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được trình bày từ trang 07 đến trang 32;

Các Báo cáo tài chính này được lập theo các quy định của Chế độ kế toán Việt Nam nêu tại Ghi chú số 03 trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Traenco; Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Quá trình kiểm toán của chúng tôi đã được tiến hành phù hợp với các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam, Quy chế kiểm toán độc lập hiện hành ở Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán nhằm thu thập các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính có tránh khỏi các sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi cũng đánh giá những kế hoạch và quyết định quan trọng của Ban Giám đốc trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay chưa.

Công việc kiểm toán bao gồm: kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, các ghi chép kế toán và phương pháp kế toán mà Công ty đã áp dụng để lập Báo cáo tài chính và những bằng chứng có liên quan đến số liệu và thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính.

Để đưa ra ý kiến chúng tôi cũng đánh giá tổng quát về các thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính và thực hiện các thủ tục kiểm toán khác mà chúng tôi xét thấy cần thiết trong từng trường hợp.

Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý Kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Traenco cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã:

- (a) Phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản gốc tiếng Việt. Công ty Cổ Phần Traenco giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Thủ Đô giữ 02 bản.

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN THỦ ĐÔ (CACC)



NGUYỄN ANH TUẤN

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên Việt Nam

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1234/KTV

Ngày 26 tháng 04 năm 2012



Đỗ Thị Xuân

Người chịu trách nhiệm kiểm toán

Kiểm toán viên Việt Nam

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1488/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		229,773,049,698	230,478,917,262
Tiền & các khoản tương đương tiền	110		16,930,135,023	20,192,783,910
Tiền	111	VI.01	16,930,135,023	20,192,783,910
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129		-	-
Các khoản phải thu	130		106,552,967,327	104,071,617,587
Phải thu của khách hàng	131		39,345,142,781	36,103,151,332
Trả trước cho người bán	132		51,986,191,704	54,670,492,771
Phải thu nội bộ	133		4,461,064,919	4,093,019,837
Phải thu theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	VI.03	12,919,030,049	11,363,415,773
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(2,158,462,126)	(2,158,462,126)
Hàng tồn kho	140		92,967,266,746	95,822,044,660
Hàng tồn kho	141	VI.04	92,967,266,746	95,822,044,660
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		13,322,680,602	10,392,471,105
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		221,457,121	937,159,727
Thuế GTGT được khấu trừ	152	VI.05	2,393,578,886	2,554,436,678
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	VI.05	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		10,707,644,595	6,900,874,700
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13,607,717,163	14,121,391,678
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	543,000,000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213	VI.06	-	-
Phải thu dài hạn khác	218	VI.07	-	543,000,000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		3,145,211,079	3,562,980,801
TSCĐ hữu hình	221	VI.08	3,145,211,079	3,562,980,801
Nguyên giá	222		19,157,339,028	21,258,441,265
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16,012,127,949)	(17,695,460,464)
TSCĐ thuê tài chính	224	VI.09	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Nguyên giá	225	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-
TSCĐ vô hình	227	VI.10	-
Nguyên giá	228	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.11	-
Bất động sản đầu tư	240	VI.12	-
Nguyên giá	241	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5,049,626,917
Đầu tư vào công ty con	251		5,029,626,917
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20,000,000
Đầu tư dài hạn khác	258	VI.13	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-
Tài sản dài hạn khác	260		5,412,879,167
Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.14	4,211,445,619
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-
Tài sản dài hạn khác	268	VI.07	1,201,433,548
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		243,380,766,861
			244,600,308,940

CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300		225,871,871,650	225,926,493,028
Nợ ngắn hạn	310		225,501,855,394	225,383,105,272
Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.15	12,580,433,574	16,578,582,439
Phải trả cho người bán	312		64,064,250,413	66,244,614,652
Người mua trả tiền trước	313		71,171,568,224	68,302,085,305
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.16	3,817,618,528	3,701,901,180
Phải trả công nhân viên	315		2,914,905,139	2,086,366,620
Chi phí phải trả	316	VI.17	7,118,364,374	6,894,058,279
Phải trả nội bộ	317		12,535,913,140	16,906,959,541
Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	VI.18	51,298,802,002	44,668,537,256
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Nợ dài hạn	330		370,016,256	543,387,756
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332	VI.19	-	-
Phải trả dài hạn khác	333		337,949,750	511,321,250
Vay và nợ dài hạn	334	VI.20	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		32,066,506	32,066,506
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		17,508,895,211	18,673,815,912
Vốn chủ sở hữu	410	VI.22	17,688,563,527	18,811,219,816
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16,603,400,000	16,603,400,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		55,821,020	55,821,020
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		29,263,644	614,181,054
Quỹ đầu tư phát triển	417		1,281,861,057	1,276,278,701
Quỹ dự phòng tài chính	418		248,978,740	247,583,152
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(530,760,934)	13,955,889
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(179,668,316)	(137,403,904)
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		(179,668,316)	(137,403,904)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Nguồn kinh phí	432	-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	243,380,766,861	244,600,308,940

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tài sản thuê ngoài		24		
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công				
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi				
Nợ khó đòi đã xử lý				
Ngoại tệ các loại (USD)				
Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Phạm Thị Kim Dung
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2012

Nguyễn Hữu Điềm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM: 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Tổng doanh thu	01	VI.27	88,470,366,140	85,291,605,343
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.27	88,470,366,140	85,291,605,343
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	35.266.806.584	56.299.009.614
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		53,203,559,556	28,992,595,729
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.27	1,373,546,276	305,471,866
7. Chi phí tài chính	22	VI.29	1,948,089,233	1,302,976,552
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,948,089,233	1,302,976,552
8. Chi phí bán hàng	24		148,639,997	188,945,460
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		51,622,651,339	26,331,411,395
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		857,725,263	1,474,734,188
11. Thu nhập khác	31		1,416,209,561	1,142,826,706
12. Chi phí khác	32		2,810,278,115	2,601,611,308
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1,394,068,554)	(1,458,784,602)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(536,343,291)	15,949,586
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		-	1,993,698
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(536,343,291)	13,955,888
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.



Phạm Thị Kim Dung
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Điềm
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh				
Lợi nhuận sau thuế	01		(536,343,291)	13,955,888
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		(1.683,332,515)	(41,772,481)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(584,917,410)	557,502,876
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(2,804,593,216)	529,686,283
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1,777,491,948)	9,679,586,671
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2,854,777,914	(2,412,378,301)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		3,943,527,487	(2,397,854,591)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		781,669,175	1,990,797,947
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(4,319,831,671)	330,655,457
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(35,286,468)	218,210,719
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1,357,228,727)	7,938,704,185
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		2,101,102,237	606,280,813
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	845,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2,101,102,237	1,451,280,813
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		(3,998,148,865)	(3,434,663,466)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8,373,532)	(600,368,718)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40		(4,006,522,397)	(4,035,032,184)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3,262,648,887)	5,354,952,814
Tiền và tương đương tiếp đầu kỳ	60		20,192,783,910	14,837,831,096
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70		16,930,135,023	20,192,783,910

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.



Phạm Thị Kim Dung
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2012



Nguyễn Hữu Diễm
Tổng Giám đốc

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

Công ty Cổ Phần Traenco có quá trình hình thành và phát triển như sau:

- Công ty Cổ Phần Traenco (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước; Công ty Cổ Phần Traenco được Cổ phần hóa theo Quyết định số 2670/QĐ-BGTVT ngày 05/08/2005 của Bộ Giao thông vận tải;

- Công ty Cổ Phần Traenco được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010774 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 01 năm 2006. Từ khi thành lập đến nay, Công ty Cổ Phần Traenco đã thay đổi đăng ký kinh doanh đến năm lần.

- Tại thời điểm kiểm toán, Công ty Cổ Phần Traenco hoạt động theo giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh lần 5 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 06 năm 2010 bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO

Tên Quốc tế: TRAENCO JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: TRAENCO., JSC

Trụ sở chính: Số 46, đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn kinh doanh 16.603.400.000 VND

2. Ngành nghề kinh doanh của đơn vị:

- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông đúc sẵn;

- Tư vấn đầu tư xây dựng (Không bao gồm tư vấn pháp luật);

- Thiết kế các công trình giao thông (cầu, đường bộ);

- Tư vấn thí nghiệm vật liệu và chất lượng công trình;

- Xuất khẩu lao động, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp xuất khẩu lao động;

- Đào tạo ngoại ngữ, đào tạo các loại nghề (không bao gồm những ngành nghề có điều kiện), bồi túc nâng cao trình độ kỹ năng nghề, bồi dưỡng nghiệp vụ, giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài; Đào tạo trình độ cao đẳng, đại học (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;

- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);

- Tư vấn du học;

- Sản xuất, lắp ráp và đóng mới xe ô tô các loại, xe gắn máy hai bánh (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);

- Đào tạo lái xe (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Sửa chữa, tân trang máy móc thiết bị, phương tiện vận tải;

- Dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách;

- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng ô tô, xe máy;

- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);

- Cho thuê máy móc thiết bị;

- Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, gốm, sứ, nông lâm thủy sản (Trừ loại lâm sản nhà nước cấm);

- Kinh doanh than;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Sản xuất và kinh doanh thuốc diệt các loại côn trùng (Không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật);
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị phương tiện vận tải, thiết bị trang trí nội thất, hàng tiêu dùng (Không bao gồm kinh doanh dược phẩm);
- Bóc đất đá san lấp mặt bằng;
- Khai thác chế biến khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Hoạt động dịch vụ hàng hải gồm: đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, vệ sinh tàu biển;
- Tổ chức biểu diễn văn hóa nghệ thuật (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Khảo sát địa chất các công trình;
- Khảo sát trắc địa các công trình;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông (Kể cả các công trình điện như đường dây, trạm, thủy điện); quan trắc biển dạng công trình xây dựng, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông.
- Xây dựng các công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, bưu chính viễn thông;
- Xây dựng các công trình hạ tầng;
- Lắp đặt tủ, bảng điện, trạm hợp bộ điện đến 35KV;
- Tư vấn, môi giới, đàm phán ký kết các hợp đồng kinh tế với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để quảng cáo trên sóng truyền hình toàn quốc (Không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Mua, bán và sản xuất hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Xuất khẩu than;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Tổ chức các dịch vụ hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm (theo quy định hiện hành của Nhà nước);
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Khảo sát địa chất thủy văn./.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán của Đơn vị bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là VNĐ. Hạch toán theo nguyên tắc giá gốc.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Đơn vị áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Hệ thống kế toán Việt Nam và hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu chuẩn mực Kế toán Việt nam

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(đợt 3);

Quyết định số 12/2005/QĐ - BTC ngày 15 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4)

Quyết định số 100/2005/QĐ - BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5)

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền :

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền :

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền Việt nam theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

a. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

c. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Sản phẩm dở dang:

d. Phương pháp tính giá vốn hàng bán:

Giá trị nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung được tập hợp phân bổ theo từng mặt hàng, từng sản phẩm theo giá trị dự toán.

e. Tình hình trích lập và hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận :

Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 1 năm trở lên, Đơn vị đã đòi nhiều lần nhưng chưa thu được nợ và các khoản nợ dưới 1 năm nhưng con nợ có dấu hiệu không trả được nợ.

Tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:

5. Phương pháp ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) :

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình :

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình :

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-20
Máy móc thiết bị sản xuất	05-08
Phương tiện vận tải	06-08
Thiết bị văn phòng	03-05
Tài sản cố định khác	03-05

6. Hợp đồng thuê tài chính (đối với bên đi thuê):

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính :

Nguyên giá TSCĐ thuê Tài chính bao gồm giá trị hợp lý của tài sản thuê và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu thì ghi theo giá trị hiện tại.

Giá trị hợp lý: là giá trị tài sản có thể được trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ sự hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

Giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài chính được tính căn cứ vào tỷ lệ lãi suất ngầm định hoặc tỷ lệ lãi suất được ghi trong hợp đồng thuê hoặc tỷ lệ lãi suất biên đi vay của bên thuê.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính:

Áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của doanh nghiệp đi thuê.

Nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản thuê khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời hạn thuê nếu thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê.

7. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư là tài sản phải thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau :

(a) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai; và

(b) Nguyên giá của bất động sản đầu tư phải được xác định một cách đáng tin cậy.

Bất động sản đầu tư phải được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: Áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại mà doanh nghiệp đang sử dụng.

8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay (CPĐV) và chi phí khác:

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi đơn vị chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định CPĐV được vốn hoá trong kỳ:

Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của đơn vị, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: Theo nguyên tắc phù hợp;

Chi phí khác: Thực hiện theo thực tế;

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo đường thẳng;

Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại:

9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu phát triển và triển khai: Ghi theo tình hình thực tế;

10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

(a) Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản khác từ công ty liên kết mà nhà đầu tư nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi của các khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

(b) Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán được

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

11. Kế toán các hoạt động liên doanh:

Vốn góp liên doanh được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty theo phương pháp giá gốc; Tại thời điểm hiện tại đơn vị chưa thực hiện việc góp vốn liên doanh;

Tham khảo thêm

Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh dưới hình thức: Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát phản ánh trên tài khoản " Vốn góp liên doanh" là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

Trường hợp góp vốn liên doanh bằng vật tư, hàng hoá

Nếu đánh giá lại của vật tư, hàng hoá cao hơn giá trị ghi trên sổ kế toán ở thời điểm góp vốn, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận vào thu nhập khác. Phần thu nhập khác do chênh lệch đánh giá lại vật tư, hàng hoá tương ứng với lợi ích của bên góp vốn liên doanh phải được hoãn lại và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Khi cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát bán số vật tư, hàng hoá cho bên thứ ba độc lập, khoản doanh thu chưa thực hiện này được kết chuyển vào thu nhập khác.

Nếu đánh giá lại của vật tư, hàng hoá thấp hơn giá trị ghi trên sổ kế toán ở thời điểm góp vốn, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận vào chi phí khác.

Trường hợp góp vốn liên doanh bằng tài sản cố định:

Nếu đánh giá lại của tài sản cố định cao hơn giá trị ghi trên sổ kế toán ở thời điểm góp vốn, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận vào thu nhập khác. phần thu nhập khác do chênh lệch đánh giá lại TSCĐ tương ứng với phần vốn góp của bên góp vốn liên doanh phải được hoãn lại và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Hàng năm, khoản doanh thu chưa thực hiện này (lãi do đánh giá lại TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh) được phân bổ dần vào thu nhập khác theo thời gian sử dụng hữu ích dự kiến của tài sản cố định đem đi góp vốn liên doanh.

Nếu giá đánh giá lại của TSCĐ thấp hơn giá trị ghi trên sổ kế toán ở thời điểm góp vốn, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận ngay vào chi phí khác trong kỳ.

Khi thu hồi vốn góp liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, căn cứ vào giá trị vật tư, tài sản và tiền do liên doanh trả lại để ghi giảm số vốn đã góp. Nếu bị thiệt hại do không thu hồi đủ vốn góp thì khoản thiệt hại này được ghi nhận là một khoản chi phí tài chính. Nếu giá trị thu hồi cao hơn số vốn đã góp thì khoản lãi này được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

Lợi nhuận từ kết quả đầu tư góp vốn liên doanh vào cơ sở đồng kiểm soát là khoản doanh thu hoạt động tài chính và được phản ánh vào bên có Tài khoản 515 "Doanh thu hoạt động tài chính". Số lợi nhuận chia cho các bên tham gia liên doanh có thể được thanh toán toàn bộ hoặc thanh toán từng phần theo mỗi kỳ kế toán và cũng có thể giữ lại để bổ sung vốn góp liên doanh nếu các bên tham gia liên doanh chấp thuận.

Các khoản chi phí về hoạt động liên doanh phát sinh được phản ánh vào bên Nợ TK 635 "Chi phí tài chính".

Các bên góp vốn liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát có quyền chuyển nhượng giá trị phần vốn góp của mình trong liên doanh. Trường hợp giá trị chuyển nhượng cao hơn số vốn đã góp vào liên doanh thì chênh lệch

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

lãi do chuyển nhượng vốn được phản ánh vào bên có TK 515 " Doanh thu hoạt động tài chính". Ngược lại, nếu giá trị chuyển nhượng thấp hơn số vốn đã góp thì chênh lệch lỗ do chuyển nhượng vốn được phản ánh vào bên Nợ TK 635 " Chi phí hoạt động tài chính".

Đối với cơ sở đồng kiểm soát, khi chuyển nhượng phần vốn giữa các bên tham gia liên doanh thì các chi phí liên quan đến hoạt động chuyển nhượng của các bên không hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp mà chỉ theo dõi chi tiết nguồn vốn góp và làm thủ tục chuyển đổi tên chủ sở hữu trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư.

Đối với bên liên doanh hoặc đối tác khác mua lại phần vốn góp của các bên khác trong liên doanh, thì phản ánh phần vốn góp vào liên doanh theo giá thực tế mua (giá mua phần vốn góp này có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị sổ sách của phần vốn góp được chuyển nhượng tại thời điểm thực hiện việc chuyển nhượng).

Kế toán phải mở sổ kế toán chi tiết theo dõi các khoản vốn góp liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo từng đối tác, từng lần góp và từng khoản vốn đã thu hồi, chuyển nhượng.

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác:

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

13. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: (ghi theo thực tế)

Chi phí phải trả được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

14. Ghi nhận các khoản thanh toán trước và dự phòng:

15. Ghi nhận trái phiếu có thể chuyển đổi:

16. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: (Ghi theo thực tế)

17. Nguồn vốn chủ sở hữu:

Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:

Ghi nhận cổ tức:

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Chưa Thực hiện :

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng :

Đơn vị đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;

Đơn vị không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Đơn vị đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Xác định được phần công việc đã hoàn thành

Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:

19. Các bên liên quan:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

20. Tái phân loại :

Một số tài khoản trong báo cáo tài chính của năm 2009 đã được tái phân loại cho phù hợp với sự trình bày trong năm 2010 theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2009.

21. Các nghĩa vụ về thuế:

Thuế suất thuế GTGT hàng bán ra chịu mức thuế suất 0%, 5% và 10% và không chịu thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% lợi nhuận thu được. Doanh nghiệp được miễn giảm 50% thuế TNDN theo quyết định 164;

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Tiền mặt tại quỹ	5,734,922,298	5,162,072,068
- VP Công ty tại Hà Nội	179,912,433	61,163,635
- Trung tâm XKLD Traenco	304,058,518	104,452,086
- XN 20	18,822,131	152,816,145
- XN xây dựng điện nước lắp máy	224,171,520	264,882,408
- XN xây dựng và KD tổng hợp	61,187,010	235,740,795
- Trung tâm phát triển việc làm phía Nam	4,782,196,161	4,208,694,963
- Chi nhánh Traenco HCM	6,155,100	4,954,473
- Chi nhánh Đồng Nai	56,932,838	56,882,361
- Chi nhánh Bình Dương		732,939
- Trường kỹ nghệ thực hành và Bồi dưỡng XKLD	100,486,587	70,752,263
- Chi nhánh Tây Ninh	1,000,000	1,000,000
Tiền gửi ngân hàng	11,195,212,725	15,030,711,842
VP Công ty tại HN	2,071,302,337	2,031,803,778
Trung tâm XKLD Traenco	49,305,584	600,626,715
XN ô tô Traenco		
XN 20	2,983,854	5,246,447
XN xây dựng điện nước lắp máy	32,270,026	19,599,638
XN xây dựng và KD tổng hợp	2,950,896	3,070,355
Trung tâm phát triển việc làm phía Nam	9,005,104,172	12,357,983,449
Chi nhánh Traenco HCM	25,608,859	7,465,253
Chi nhánh Đồng Nai	1,636,495	1,636,495
Chi nhánh Bình Dương		
Trường kỹ nghệ thực hành và bồi dưỡng XKLD	4,050,502	3,279,712
Chi nhánh Tây Ninh		
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
Tổng cộng	<u>16,930,135,023</u>	<u>20,192,783,910</u>

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
--	-------------------	-------------------

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phải thu của khách hàng	39,345,142,781	36,103,151,332
- VP Công ty tại Hà Nội	31,748,475,241	29,447,433,086
- Trung tâm XKLD Traenco	779,552,000	
- XN ô tô Traenco		
- XN 20		
- XN xây dựng điện nước lắp máy	909,962,121	2,349,772,000
- XN xây dựng và KD tổng hợp	160,628,919	160,628,919
- Trung tâm phát triển việc làm phía Nam	4,965,871,980	3,840,298,372
- Chi nhánh Traenco HCM	778,021,000	293,446,195
- Chi nhánh Đồng Nai		
- Chi nhánh Bình Dương		
- Trường kỹ nghệ thực hành và Bồi dưỡng XKLD	2,631,520	11,572,760
- Chi nhánh Tây Ninh		
Trả trước cho người bán	51,986,191,704	54,670,492,771
Văn phòng Công ty:	47,501,970,644	50,278,041,711
Chi nhánh Đồng Nai		
XN XD và KD tổng hợp:		
Trung tâm XKLD TRAENCO:	60,000,000	
Chi nhánh TP HCM:		
Trung tâm phát triển việc làm phía Nam:	16,685,500	16,685,500
Chi nhánh Bình Dương:		
XN 20:	4,227,535,560	4,195,765,560
XN XD điện nước, lắp máy:		
Trường Kỹ nghệ thực hành & bồi dưỡng XKLD:		
CP Việt Hưng TRAENCO Việt Nam:		
Chi nhánh Tây Ninh	180,000,000	180,000,000
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng		
Phải thu khác	12,919,030,049	11,363,415,773
Văn phòng Công ty:	9,105,222,506	9,092,473,011
Chi nhánh Đồng Nai		
XN XD và KD tổng hợp:	51,734,700	51,734,700
Trung tâm XKLD TRAENCO:	3,113,085,436	1,368,585,709
Chi nhánh TP HCM:		23,150,460
Trung tâm phát triển việc làm phía Nam:	648,987,407	827,471,893
Tổng cộng	104,250,364,534	102,137,059,876
Dự phòng phải thu khó đòi	(2,158,462,126)	(2,158,462,126)
Giá trị thuần của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác	102,091,902,408	99,978,597,750

3. Hàng tồn kho

	31/12/2011	31/12/2010
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	90,816,833,624	93,881,438,912
Văn phòng Công ty:	69,544,192,252	69,415,740,797

CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO

Địa chỉ: Số 46, đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh
Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chi nhánh Đồng Nai	811,543,997	811,543,997
XN XD và KD tổng hợp:	10,717,532,018	10,866,828,112
Trung tâm XKLD TRAENCO:		639,715,205
Chi nhánh TP HCM:		
XN 20:	9,743,565,357	12,147,610,801
XN XD điện nước, lắp máy:		
Trường Kỹ nghệ thực hành & bồi dưỡng XKLD:		
Thành phẩm		
Chi nhánh Tây Ninh		
Hàng hoá	2,150,433,122	1,940,605,748
Chi nhánh TP HCM:	2,150,433,122	1,940,605,748
Hàng gửi đi bán		
Cộng giá gốc hàng tồn kho	92,967,266,746	95,822,044,660
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Giá trị thuần có thể thực hiện được	92,967,266,746	95,822,044,660
4. Các khoản thuế phải thu		
	31/12/2011	31/12/2010
Thuế GTGT còn được khấu trừ	2,393,578,886	2,554,436,678
Văn phòng Công ty:	645,796,519	712,029,694
Chi nhánh Đồng Nai	41,000	41,000
Trung tâm XKLD TRAENCO	605,990,441	352,289,164
Chi nhánh TP HCM:	58,143,312	75,691,052
Trung tâm phát triển việc làm phía Nam:	1,083,607,614	1,365,276,262
Trường Kỹ nghệ thực hành & bồi dưỡng XKLD:		(794,565)
XN 20:		49,904,071
XN XD điện nước, lắp máy:		
XN XD và KD tổng hợp:		
CP Việt Hưng TRAENCO Việt Nam:		
Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước		
Thuế thu nhập Doanh nghiệp		
Thuế khác		
Tổng cộng	2,393,578,886	2,554,436,678

5. Các khoản phải thu dài hạn**6. Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình**

CHỈ TIÊU	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	THIẾT BỊ DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	3,627,016,709	7,398,358,327	8,466,484,205	1,766,582,024	21,258,441,265
Tăng trong năm	-	-	-	116,163,521	116,163,521
Mua sắm mới	-	-	-	116,163,521	116,163,521
Đầu tư XD CB	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	2,175,106,997	-	42,158,761	2,217,265,758
Nhượng bán	-	-	-	-	-

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO

Địa chỉ: Số 46, đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh
Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thanh lý	2,175,106,997	-	-42,158,761	2,175,106,997
Giảm khác				
Số dư cuối năm	3,627,016,709	5,223,251,330	8,466,484,205	1,840,586,784

HAO MÔN LUỸ KẾ

Số dư đầu năm	1,289,972,187	7,302,832,327	7,815,872,248	1,286,783,702	17,695,460,464
Tăng trong năm	74,899,140	95,526,000	180,395,008	160,072,334	510,892,482
Giảm trong năm	-	2,175,106,997	-	19,118,000	2,194,224,997
Chuyển sang cede					
Thanh lý	2,175,106,997			19,118,000	2,194,224,997
Giảm khác					
Số dư cuối năm	1,364,871,327	5,223,251,330	7,996,267,256	1,427,738,036	16,012,127,949

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số đầu năm	2,337,044,522	95,526,000	650,611,957	479,798,322	3,562,980,801
Số cuối năm	2,262,145,382	-	470,216,949	412,848,748	3,145,211,079

7. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính (TSCĐ thuê TC)

8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

10. Tăng giảm bất động sản đầu tư

11. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn

a. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011	31/12/2010
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
- Tiền gửi ngân hàng chi nhánh đầu tư Hà Giang	-	-
Giá trị thuần của đầu tư TC ngắn hạn	-	-

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011	31/12/2010
Đầu tư vào công ty con	5,029,626,917	5,029,626,917
- Văn phòng công ty tại Hà Nội	5,029,626,917	5,029,626,917
Đầu tư vào công ty liên kết	20,000,000	20,000,000
- Văn phòng công ty tại Hà Nội	20,000,000	20,000,000
Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	-	-
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Tổng cộng	5,049,626,917	5,049,626,917
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư TC dài hạn	5,049,626,917	5,049,626,917

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Văn phòng Công ty:	-	228,480,223
Chi nhánh Đồng Nai	-	-
XN XD và KD tổng hợp:	370,980,048	370,980,048
Trung tâm XKLD TRAENCO:	2,972,111,941	2,912,571,845
Chi nhánh TP HCM:	-	-
Trung tâm phát triển việc làm phía Nam:	153,031,902	106,204,267
Chi nhánh Bình Dương:	-	-
XN 20:	3,859,091	-
XN XD điện nước, lắp máy:	56,856,232	17,605,544
Trường Kỹ nghệ thực hành & bồi dưỡng XKLD:	654,606,405	641,570,261
CP Việt Hưng TRAENCO Việt Nam:	-	-
Chi nhánh Tây Ninh	-	-
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Đã kết chuyển vào CP SXKD trong năm	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	<u><u>4,211,445,619</u></u>	<u><u>4,277,412,188</u></u>

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập phải trả

14. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Vay ngắn hạn	12,580,433,574	16,578,582,439
Văn phòng Công ty:	11,744,923,574	15,012,572,439
Chi nhánh Đồng Nai	-	-
XN XD và KD tổng hợp:	450,500,000	356,000,000
Trung tâm XKLD TRAENCO:	-	-
Chi nhánh TP HCM:	-	-
Trung tâm phát triển việc làm phía Nam	-	-
Chi nhánh Bình Dương:	-	-
XN 20	100,000,000	100,000,000
XN XD điện nước, lắp máy	-	800,000,000
Trường Kỹ nghệ thực hành & bồi dưỡng XKLD	285,010,000	310,010,000
CP Việt Hưng TRAENCO Việt Nam	-	-
Chi nhánh Tây Ninh	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	-	-
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	-	-
Tổng cộng	<u><u>12,580,433,574</u></u>	<u><u>16,578,582,439</u></u>

15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Phải trả người bán	64,064,250,413	66,244,614,652

CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO

Địa chỉ: Số 46, đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh
Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Văn phòng Công ty:	55,115,417,789	58,587,833,062
Chi nhánh Đồng Nai		
XN XD và KD tổng hợp:		-
Trung tâm XKLD TRAENCO:		
Chi nhánh TP HCM:	2,091,548,300	2,063,095,869
Trung tâm phát triển việc làm phía Nam:		
Chi nhánh Bình Dương:		
XN 20:	5,647,999,170	4,083,772,170
XN XD điện nước, lắp máy:	1,068,325,154	1,489,353,551
Trường Kỹ nghệ thực hành & bồi dưỡng XKLD	140,960,000	20,560,000
CP Việt Hưng TRAENCO Việt Nam		
Chi nhánh Tây Ninh		
Người mua trả tiền trước	71,171,568,224	68,302,085,305
Văn phòng Công ty:	63,905,864,339	61,640,631,420
Chi nhánh Đồng Nai	565,059,372	565,059,372
XN XD và KD tổng hợp	6,080,644,513	6,080,644,513
Trung tâm XKLD TRAENCO		15,750,000
Chi nhánh TP HCM:	620,000,000	
Trung tâm phát triển việc làm phía Nam		
Chi nhánh Bình Dương		
XN 20:		
XN XD điện nước, lắp máy:		
Trường Kỹ nghệ thực hành & bồi dưỡng XKLD		
CP Việt Hưng TRAENCO Việt Nam:		
Chi nhánh Tây Ninh		
Tổng cộng	135,235,818,637	134,546,699,957
16. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước		
	31/12/2011	31/12/2010
a. Thuế phải nộp Nhà nước	3,817,618,528	3,701,901,180
Văn phòng Công ty	3,083,512,771	3,151,206,098
Chi nhánh Đồng Nai		
XN XD và KD tổng hợp	403,617,477	344,589,147
Trung tâm XKLD TRAENCO		
Chi nhánh TP HCM		
Trung tâm phát triển việc làm phía Nam	656,811	456,811
Chi nhánh TP HCM		
XN 20:	296,834,277	
XN XD điện nước, lắp máy	31,852,418	201,142,508
Trường Kỹ nghệ thực hành & bồi dưỡng XKLD	1,144,774	4,506,616
CP Việt Hưng TRAENCO Việt Nam		
Chi nhánh Tây Ninh		
Tổng cộng	3,817,618,528	3,701,901,180

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**17. Chi phí phải trả**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Chi phí phải trả	7,118,364,374	6,894,058,279
Văn phòng Công ty	1,135,788,975	1,095,239,220
Chi nhánh Đồng Nai		
XN XD và KD tổng hợp	761,697,503	761,697,503
Trung tâm XKLD TRAENCO	8,993,119	8,993,119
Chi nhánh TP HCM		
Trung tâm phát triển việc làm phía Nam		50,148,000
Chi nhánh Bình Dương		-
XN 20	5,128,051,337	4,933,687,717
XN XD điện nước, lắp máy		-
Trường Kỹ nghệ thực hành & bồi dưỡng XKLD	83,833,440	44,292,720
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-
Tổng cộng	<u>7,118,364,374</u>	<u>6,894,058,279</u>

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	51,298,802,002	44,668,537,256
Văn phòng Công ty	18,894,888,981	15,300,127,222
Chi nhánh Đồng Nai		
XN XD và KD tổng hợp	265,560,351	178,531,724
Trung tâm XKLD TRAENCO	8,468,378,993	6,944,424,006
Chi nhánh TP HCM	3,682,569	10,534,551
Trung tâm phát triển việc làm phía Nam	23,439,164,171	22,022,796,227
Chi nhánh Bình Dương		97,000,000
XN 20	102,608,106	45,887,749
XN XD điện nước, lắp máy	8,078,297	
Trường Kỹ nghệ thực hành & bồi dưỡng XKLD	116,440,534	69,235,777
CP Việt Hưng TRAENCO Việt Nam		-
Chi nhánh Tây Ninh		
Tổng cộng	<u>51,298,802,002</u>	<u>44,668,537,256</u>

19. Phải trả dài hạn nội bộ

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Phải trả dài hạn nội bộ về cấp vốn		
Vay dài hạn nội bộ	-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	12,535,913,140	16,906,959,541
Văn phòng Công ty	1,642,223,995	1,336,575,660
Chi nhánh Đồng Nai	251,692,517	251,641,204
XN XD và KD tổng hợp	3,289,490,195	3,740,082,650
Trung tâm XKLD TRAENCO		12,493,281
Chi nhánh TP HCM	51,322,798	43,492,023
Trung tâm phát triển việc làm phía Nam		
Chi nhánh Bình Dương		
XN 20	4,795,129,079	9,026,429,381



CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO

Địa chỉ: Số 46, đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh
Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

XN XD điện nước, lắp máy	124,154,414	172,228,800
Trường Kỹ nghệ thực hành & bồi dưỡng XKLD	454,300,142	396,416,542
CP Việt Hưng TRAENCO Việt Nam		
Chi nhánh Tây Ninh	1,927,600,000	1,927,600,000
Tổng cộng	12,535,913,140	16,906,959,541

20. Các khoản vay và nợ dài hạn

21. Các khoản nợ thuế tài chính

TRAENCO
CÔNG TY CỔ PHẦN
TRAENCO
CÔNG TY CỔ PHẦN
TRAENCO
CÔNG TY CỔ PHẦN
TRAENCO
CÔNG TY CỔ PHẦN

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

A	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH	Lãi chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	16,603,400,000	55,821,020	56,678,178	1,128,051,726	187,546,280	-	600,368,719	18,631,865,923
Tăng vốn trong năm trước								-
Lãi trong năm trước								-
Tăng khác			557,502,876	148,226,975	60,036,872		13,955,888	779,722,611
Giảm vốn trong năm trước								-
Lỗ trong năm trước								-
Giảm khác							600,368,718	600,368,718
Số dư cuối năm trước số dư đầu năm nay	16,603,400,000	55,821,020	614,181,054	1,276,278,701	247,583,152	-	13,955,889	18,811,219,816
Tăng vốn trong năm nay				5,582,356	1,395,588			6,977,944
Lãi trong năm nay							(536,343,291)	(536,343,291)
Tăng khác			567,003,080					567,003,080
Giảm vốn trong năm nay								-
Giảm khác			1,151,920,490				8,373,532	1,160,294,022
Số dư cuối năm nay	16,603,400,000	55,821,020	29,263,644	1,281,861,057	248,978,740	-	(530,760,934)	17,688,563,527

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

22. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VNĐ	VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	16,603,400,000	16,603,400,000
- Vốn góp của nhà nước		11,716,380,000
- Vốn góp của các cổ đông khác		4,887,020,000
Vốn góp tăng trong năm	-	
Vốn góp giảm trong năm		-
Vốn góp cuối năm	<u><u>16,603,400,000</u></u>	<u><u>16,603,400,000</u></u>

c. Cổ phiếu

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1,660,340	1,660,340
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1,660,340	1,660,340
<i>Cổ phiếu thường</i>	1,660,340	1,660,340
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu thường</i>		
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu thường</i>	1,660,340	1,660,340
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

* Mệnh giá cổ phiếu

10,000

23. Lãi chưa phân phối

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
- Lãi lũy kế đến 31/12/2010	13,955,889	600,368,719
- Lãi phát sinh tăng trong kỳ	(536,343,291)	13,955,888
- Lợi nhuận giảm trong kỳ	8,373,532	600,368,718
- Lãi lũy kế đến 31/12/2011	<u><u>(530,760,934)</u></u>	<u><u>13,955,889</u></u>

24. Nguồn kinh phí

25. Tài sản thuê ngoài

26. Nghiệp vụ với các bên liên quan

27. Doanh thu

a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Tổng doanh thu	88,470,366,140	85,291,605,343
Văn phòng Công ty	25,807,156,661	36,869,540,364
Chi nhánh Đồng Nai		-
XN XD và KD tổng hợp	992,787,294	4,484,996,081
Trung tâm XKLD TRAENCO	8,955,536,121	5,622,387,604
Chi nhánh TP HCM	5,634,035,592	5,676,591,012
Trung tâm phát triển việc làm phía Nam	36,950,606,731	17,277,761,346

CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO

Địa chỉ: Số 46, đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh
Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Chi nhánh Bình Dương		
XN 20	5,414,809,668	9,470,900,827
XN XD điện nước, lắp máy	3,498,147,383	5,284,850,909
Trường Kỹ nghệ thực hành & bồi dưỡng XKLD	1,217,286,690	604,577,200
CP Việt Hưng TRAENCO Việt Nam		
Chi nhánh Tây Ninh		
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	88,470,366,140	85,291,605,343
b. Doanh thu hoạt động tài chính khác		
	31/12/2011	31/12/2010
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,373,546,276	305,471,866
Văn phòng Công ty	63,334,234	75,135,420
Chi nhánh Đồng Nai		51,313
XN XD và KD tổng hợp		227,480
Trung tâm XKLD TRAENCO	7,062,665	43,825,891
Chi nhánh TP HCM	2,781,389	4,392,913
Trung tâm phát triển việc làm phía Nam	1,296,345,464	175,812,668
Chi nhánh Bình Dương		12,907
XN 20	104,696	1,706,600
XN XD điện nước, lắp máy	2,378,122	4,310,674
Trường Kỹ nghệ thực hành & bồi dưỡng XKLD	1,383,066	-
CP Việt Hưng TRAENCO Việt Nam		
Chi nhánh Tây Ninh		
Tổng cộng	1,373,389,636	305,475,866
c. Doanh thu hợp đồng xây dựng		
28. Giá vốn hàng bán		
	31/12/2011	31/12/2010
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	-	-
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã cung cấp	35,266,806,584	56,299,009,614
Văn phòng Công ty	20,340,603,154	33,198,245,304
Chi nhánh Đồng Nai		-
XN XD và KD tổng hợp	972,931,548	4,413,144,232
Trung tâm XKLD TRAENCO		-
Chi nhánh TP HCM	5,025,944,853	4,997,607,702
Trung tâm phát triển việc làm phía Nam		-
Chi nhánh Bình Dương		-
XN 20	5,002,782,243	8,700,676,327
XN XD điện nước, lắp máy	3,263,864,217	4,844,294,341
Trường Kỹ nghệ thực hành & bồi dưỡng XKLD	660,680,569	145,041,708
CP Việt Hưng TRAENCO Việt Nam		
Chi nhánh Tây Ninh		
Tổng cộng	35,266,806,584	56,299,009,614
29. Chi phí tài chính		
	31/12/2011	31/12/2010
Chi phí hoạt động tài chính	1,948,089,233	1,302,976,552
- Văn phòng Công ty Tại Hà Nội	2,117,294,539	1,172,619,317
- Trung tâm XKLD Traenco	12,488,997	84,852,461

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRAENCO

Địa chỉ: Số 46, đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh
Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

- XN XD điện nước, lắp máy		11,123,334
- Chi nhánh Đồng Nai		
- Trung tâm phát triển việc làm phía Nam	650,000	
- Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	1,495,200	
- Trường Kỹ nghệ thực hành & bồi dưỡng XKLD	44,640,720	34,381,440
Lỗ do thanh toán các khoản đầu tư ngắn hạn		
Tổng cộng	1,948,089,233	1,302,976,552

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**31. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ**

	Năm 2011	Năm 2010
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(536,343,291)	15,949,586
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN.		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm		
Tổng thu nhập chịu thuế	(536,343,291)	15,949,586
Thuế TNDN theo thuế suất		3,987,397
Thuế TNDN được giảm		1,993,699
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		1,993,698
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(536,343,291)	13,955,888

32. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ**a. Các giao dịch không bằng tiền**

Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:

Chuyển nợ thành Vốn chủ sở hữu:

b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo.

Tổng giá trị mua hoặc thanh lý

Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền

Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý.

Phần giá trị tài sản và công nợ không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ.

- + Đầu tư tài chính ngắn hạn;
- + Các khoản phải thu;
- + Hàng tồn kho;
- + Tài sản cố định;
- + Đầu tư tài chính dài hạn;
- + Nợ ngắn hạn;
- + Nợ dài hạn;

c. Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Kinh phí dự án

VI. Những thông tin khác**1. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác.****2. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.**

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2010
----------	----------	----------

1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn

1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)

- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	5.59%	5.77%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	94.41%	94.23%

1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)

- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	92.81%	92.37%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	7.19%	7.63%

2. Khả năng thanh toán

2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1.078	1.083
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1.019	1.023
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.607	0.597
2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn (lần)	0.002	0.002

3. Tỷ suất sinh lời

3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	-0.006	0.000
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	-0.015	0.000

3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	-0.22%	0.01%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	-0.22%	0.01%

3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên ng/vốn chủ sở hữu

	-3.06%	0.07%
--	--------	-------

3. Những thông tin khác.


Phạm Thị Kim Dung
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Hữu Điểm
Tổng Giám đốc